

Số: ~~204~~/BC-UBND

Nga Sơn, ngày 11 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản 6 tháng đầu năm 2018, Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2018

Thực hiện công văn số 908/SNN&PTNT-QLCL, ngày 05/4/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo định kỳ công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp (VTNN), an toàn thực phẩm (ATTP) nông lâm thủy sản 6 tháng đầu năm 2018, Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2018. UBND huyện Nga Sơn báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng cuối năm 2018 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND, ngày 10/10/2016 về ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về VTNN và ATTP trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; Quyết định 3517/QĐ-UBND ngày, 14/9/2016, Kế hoạch 135/KH-UBND, ngày 16/8/2017; Chỉ thị số 25/CT-UBND, ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Trong 6 tháng đầu năm 2018 UBND huyện Nga Sơn đã xây dựng và ban hành các Quyết định, Kế hoạch, Công văn triển khai thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện như sau:

- Ban hành kế hoạch số 03/KH-BCĐ, ngày 12/01/2018 của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) huyện đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân năm 2018.

- Kế hoạch số 11/KH-BCĐ, ngày 23/01/2018 của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) huyện về kiểm tra, giám sát công tác chỉ đạo an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân năm 2018.

- Kế hoạch số 17/KH-VPĐP-VSATTP, ngày 27/02/2018 của Văn phòng Điều phối VSATTP huyện về kế hoạch thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện năm 2018.

- Kế hoạch số 05/KH-BCĐ, ngày 07/3/2018 của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) huyện về kế hoạch kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm tại các Bếp ăn tập thể trên địa bàn huyện Nga Sơn năm 2018.

- Kế hoạch số 10 /KH-UBND, ngày 06/ 02 /2018 về quản lý vận chuyên, giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm năm 2018.

- Quyết định số 335/QĐ-UBND, ngày 29/01/2018 của UBND huyện về việc thành lập đoàn kiểm tra, giám sát công tác chỉ đạo an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân năm 2018.

- Quyết định số 555/QĐ-UBND, ngày 7/03/2018 của UBND huyện về việc thành lập đoàn kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm tại các Bếp ăn tập thể trên địa bàn huyện Nga Sơn năm 2018.

- Công văn số 195/UBND-VSATTP, ngày 13/3/2018 của UBND huyện về giao chỉ tiêu thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2018 trên địa bàn huyện.

- Công văn số 504/UBND-NN, ngày 31/5/2018 của UBND huyện về đơn đốc thực hiện các mô hình thí điểm ATTP thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

2.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu của Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Xây dựng mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn: Lựa chọn mô hình sản xuất an toàn, địa điểm thực hiện xóm 10, xã Nga Văn, hộ gia đình đã xây dựng kế hoạch thực hiện. UBND huyện ban hành cơ chế hỗ trợ 100 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình cơ sở giết mổ tập trung: Địa điểm thực hiện tại hộ ông Mai Văn Hùng, xóm, xã Nga Văn, hộ gia đình đang xây dựng kế hoạch thực hiện, cơ chế hỗ trợ 150 triệu đồng/mô hình từ ngân sách huyện.

- Xây dựng 01 mô hình chợ an toàn thực phẩm: Tại chợ Hoàng Xóm 4, xã Nga Văn. Đã đầu tư xây dựng chợ, nhà điều hành, thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ, giao cho HTX nông nghiệp quản lý và điều hành, thực hiện mô hình, cơ chế hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Xây dựng 05 mô hình cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn, tại các cửa hàng xung quanh khu vực chợ Hoàng Xóm 4, xã Nga Văn, cơ chế hỗ trợ 03 triệu/cửa hàng, kinh phí từ nguồn ngân sách huyện.

- Xây dựng 01 mô hình bếp ăn tập thể an toàn thực phẩm: Tại Trường mầm non Nga Văn, xóm 6 - Nga Văn, xã giao cho trường mầm non và trạm Y tế triển khai thực hiện, cơ chế hỗ trợ 10 triệu đồng/mô hình từ ngân sách huyện.

- Xây dựng 01 mô hình xã đạt tiêu chí ATTP tại xã Nga Văn, cơ chế hỗ trợ 200 triệu/mô hình từ nguồn ngân sách tỉnh. Xã đang triển khai hoàn thiện hồ sơ và các nội dung có liên quan để trình UBND huyện thẩm tra, dự kiến hoàn thành trong quý 3 năm 2018.

- Các tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, xóm, tiểu khu trên địa bàn huyện đã được kiện toàn và từng bước đi vào hoạt động có hiệu quả, qua công tác tổ chức ký cam kết, hoạt động giám sát đã nâng cao nhận thức của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tuy nhiên công tác giám sát, xác nhận nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm thực hiện còn hạn chế, chưa đồng bộ và khoa học.

2.2. Công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm.

Tiếp tục tổ chức xây dựng tin bài thông tin, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của huyện, tiếp âm qua đài xã các nội dung có liên quan đến ATTP như: Tuyên truyền về Luật an toàn thực phẩm, Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo thực hiện của tỉnh, của huyện có liên quan. Nội dung tin bài xây dựng ngắn gọn, súc tích, có trọng tâm, trọng điểm, tần suất phát thanh liên tục 3 lần/tuần vào các buổi sáng và buổi chiều.

- Tuyên truyền lồng ghép thông qua các hội giao ban, sơ kết tổng kết các cấp, các ngành, các đoàn thể.

- Tuyên truyền lưu động (xe của tỉnh tổ chức).

- Tập huấn 03 lớp: Trong đó 02 lớp chủ đề về kiến thức sản xuất kinh thực phẩm với 303 người tham gia, đối tượng là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm; 01 lớp tập huấn cho cán bộ quản lý ATTP Văn phòng điều phối vệ sinh ATTP huyện và Ban nông nghiệp xã, đại diện 01 tổ giám sát cộng đồng do tỉnh hỗ trợ.

- Tuyên truyền thông qua Băng, đĩa, Pa nô, áp phích, băng zôn tổng số 40 cái (tỉnh hỗ trợ 10 cái, huyện, xã 31 cái, 4 băng đĩa hình), treo tại các vị trí trung tâm huyện, xã, chợ huyện, các tuyến đường có mật độ người và phương tiện đi lại nhiều.

- 6 tháng đầu năm đã sát hạch, cấp và cấp lại giấy xác nhận kiến thức ATTP cho 60 chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

Các hình thức tuyên truyền, tập huấn phổ biến đến các đối tượng về quản lý chất lượng VTNN và an toàn thực phẩm đã tác động đến nhận thức của cộng đồng từ người sản xuất, kinh doanh, lưu thông đến người tiêu dùng. Đòi hỏi hệ thống chính trị, cơ quan quản lý các cấp phải vào cuộc đồng bộ, quyết liệt hơn nữa để đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

2.3. Công tác xây dựng phát triển các cơ sở, các mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tại 2 xã Nga Yên và Nga Thành với diện tích 6 ha theo tiêu chuẩn được chứng nhận VietGAP.

- Chuỗi cung ứng lúa gạo an toàn, tổng số 6 chuỗi với sản lượng 5.590,9 tấn tại các xã: Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Văn, Nga Thiện, Nga An, Nga Yên. Cách thức tổ chức liên kết là ký kết hợp đồng cung ứng giống, bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp.

- Chuỗi cung ứng rau quả an toàn, tổng số 8 chuỗi với sản lượng 2.923,9 tấn tại các xã: Nga Trường, Nga Thiện, Nga An, Nga Thành, Nga Giáp, Nga Hải, Nga Yên và Nga Trung. Cách thức tổ chức liên kết là ký kết hợp đồng sản

xuất, bao tiêu sản phẩm với các cửa hàng, Hợp tác xã, hộ kinh doanh, để cung cấp cho các bếp ăn tập thể trong và ngoài tỉnh.

- Xây dựng chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm an toàn, tổng số 8 chuỗi với sản lượng 1.303,9 tấn tại các xã: Nga Văn, Nga An, Nga Thành, Nga Giáp, Nga Trung và Nga Thủy. Cách thức tổ chức liên kết là ký kết hợp đồng sản xuất, bao tiêu sản phẩm với các Hợp tác xã, hộ kinh doanh, để cung cấp cho các bếp ăn tập thể, các cơ sở chế biến thực phẩm trong và ngoài tỉnh.

- Xây dựng chuỗi cung ứng thủy sản an toàn, tổng số 3 chuỗi với sản lượng 968 tấn tại các xã: Nga Bạch, Nga Thủy, Nga Tân. Cách thức tổ chức liên kết là ký kết hợp đồng sản xuất, bao tiêu sản phẩm với các Hợp tác xã, hộ kinh doanh, để cung cấp cho các bếp ăn tập thể, các cơ sở chế biến thực phẩm, sản phẩm trong huyện và địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đảm bảo an toàn thực phẩm: Số lượng được giao 20 cơ sở, đến nay lũy kế xây dựng được 12 cơ sở, chủ yếu là các cơ sở tham gia thu gom, giết mổ gia súc, gia cầm. Không có cơ sở giết mổ quy mô lớn theo quy hoạch của tỉnh, dự kiến hoàn thành trong quý 4 năm 2018.

+ Xây dựng chợ đảm bảo an toàn thực phẩm: Số lượng được giao 01 mô hình chợ, đã đầu tư xây dựng chợ, nhà điều hành, thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ, giao cho HTX quản lý và điều hành, thực hiện, dự kiến hoàn thành trong quý 3 năm 2018.

+ Xây dựng cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn: Số lượng được giao 05 cửa hàng, huyện đang triển khai thực hiện dự kiến hoàn thành trong quý 3 năm 2018.

+ Xây dựng bếp ăn tập thể an toàn thực phẩm: Chỉ tiêu giao 27 bếp ăn, huyện đang triển khai xây dựng tại các trường Mầm non bán trú trên địa bàn, dự kiến hoàn thành trong quý 4 năm 2018.

+ Xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP: Chỉ tiêu giao 16 xã, huyện đang triển khai xây dựng tại thị trấn và các xã về đích nông thôn mới năm 2018 trở về trước, dự kiến hoàn thành trong quý 4 năm 2018.

2.4. Kết quả lấy mẫu và phân tích mẫu vật tư nông nghiệp và ATTP.

2.4.1. Thực phẩm nông, lâm, thủy sản:

- 6 tháng đầu năm đã thực hiện kiểm tra nhanh 6 mẫu Nitorat trong rau quả, 8 mẫu hàn the trong giò, chả và 8 mẫu phẩm màu, kết quả kiểm tra cho thấy không có mẫu vi phạm.

- Đánh giá kết: Công tác lấy mẫu và kiểm tra nhanh còn hạn chế, số mẫu ít chưa mang tính đại diện, chưa đánh giá khách quan nguy cơ mất an toàn VSTP.

2.4.2. Kiểm tra, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản, xử lý cơ sở xếp loại C theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Loại hình cơ sở	Tổng số cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý	Số cơ sở đã được kiểm tra, xếp loại năm 2017			Lũy kế tổng số cơ sở đã được kiểm tra (đến tháng 4/2018)		
			Loại A	Loại B	Loại C	Loại A	Loại B	Loại C
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN							
-	Giống cây trồng nông nghiệp							
-	Giống cây trồng lâm nghiệp							
-	Giống vật nuôi							
-	Thức ăn chăn nuôi							
-	Giống thủy sản							
-	Thức ăn thủy sản							
-	Phân bón							
-	Thuốc BVTV							
-	Thuốc thú y							
-							
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản							
-	Sản xuất rau, quả	02		02			02	
-	Thu gom, sơ chế, chế biến rau, quả						02	
-	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm			12			14	
-	Cơ sở, cửa hàng kinh doanh nông lâm thủy sản			01			01	
	Cơ sở sản xuất nước mắm và sản phẩm dạng mắm.						01	
	Tổng cộng			15			20	

- Tổng số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP 20 cơ sở.

2.4.3. Công tác cấp giấy xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm theo hướng dẫn tại Quyết định số 91/QĐ-SNN&PTNT, ngày 14/02/2017 của Sở NN&PTNT. Nội dung trên đã được triển khai đến UBND cấp xã, tổ giám sát cộng đồng tuy nhiên chưa có trường hợp đề nghị cấp giấy xác nhận nguồn gốc.

2.4.4. Kết quả triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:

TT	Loại hình	Tổng số cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý	Số cơ sở đã ký cam kết	Số cơ sở đã được kiểm tra thực hiện cam kết	Số cơ sở vi phạm cam kết	Biện pháp xử lý cơ sở vi phạm
1	Cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ					
2	Cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ	3.385	2.132	35	0	
3	Cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ					
4	Cơ sở sản xuất, khai thác muối nhỏ lẻ					
5	Cơ sở thu hái, đánh bắt khai thác nông lâm thủy sản nhỏ lẻ					
	Tổng số	3.385	2.132	35		

2.5. Kiểm tra chuyên ngành về VTNN, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; truy xuất, thu hồi và xử lý các sản phẩm VTNN, nông lâm thủy sản không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Kiểm tra theo theo nội dung Tháng hành động về VSATTP đã kiểm tra 7 cơ sở cơ sở kinh doanh thịt và sản phẩm thịt, không có cơ sở bị xử phạt lỗi vi phạm.

Loại sản phẩm	Kiểm tra theo kế hoạch				Kiểm tra đột xuất			
	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)
Thực vật và các sản phẩm thực vật								
Thịt và các sản phẩm thịt	7							
Thủy sản và các sản phẩm thủy sản								

* Đánh giá: Các lỗi chủ yếu là thiếu thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, trang thiết bị chưa phù hợp, đoàn kiểm tra nhắc nhở yêu cầu chủ cơ sở bổ sung, hoàn thiện các nội dung còn thiếu theo hướng dẫn của đoàn.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016

(Báo cáo ở mục 1 và mục 2 phần trên)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được.

Nhìn chung kết quả thực hiện công tác đảm bảo về quản lý vật tư nông nghiệp vệ sinh an toàn thực phẩm bước đầu về tiến độ và kết quả còn thấp so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành đã từng bước tác động đến nhận thức, nâng cao trách nhiệm của hệ thống chính trị và cộng đồng.

- Sự vào cuộc của các ngành, cơ quan chức năng như: Quản lý thị trường, Thú y, Bảo vệ thực vật, Công an huyện, Y tế, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp&PTNT trong công tác kiểm tra vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm đã hạn chế đáng kể tình trạng buôn bán hàng hóa gây mất ATTP trên địa bàn huyện.

- Sự phối hợp với các cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh, cấp huyện với UBND các xã, thị trấn đã được quan tâm hơn. Đặc biệt là sự phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc.

2. Tồn tại, hạn chế.

Công tác quản lý an toàn thực phẩm trước đây chủ yếu do ngành Y tế quản lý, chưa có sự phối hợp của các ngành liên quan nên khi đưa vào áp dụng còn một số hạn chế đó là:

- Lực lượng cán bộ chuyên môn tại huyện, xã phụ trách kiêm nhiệm, cơ bản không phù hợp với chuyên môn. Việc tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế, một số cán bộ phụ trách cơ sở mới tiếp cận lần đầu nên gây khó khăn cho công tác chỉ đạo thực hiện tại cơ sở.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện quy mô hộ gia đình nên hoạt động phân tán, manh mún và chưa hội đủ các tiêu chí theo quy định.

- Người dân chưa thực sự chú trọng công tác an toàn thực phẩm nên công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, phát hiện, tố giác của nhân dân đối với cơ sở chưa đủ điều kiện còn hạn chế.

- Sự phối hợp giữa các ngành trong quản lý ATTP tại cấp huyện và xã đôi lúc còn thiếu nhịp nhàng gây nên sự chồng chéo.

- Kinh phí để thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm từ huyện đến cơ sở còn hạn chế.



3. Nguyên nhân tồn tại hạn chế.

- Do cấp ủy Đảng, Chính quyền một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP do đơn vị, địa phương mình phụ trách.

- Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai: Lực lượng chuyên trách phụ trách lĩnh vực từ huyện đến xã kiêm nhiệm. Đây cũng là lĩnh vực mới có nhiều nhạy cảm, khi kiểm tra có sở phải thành lập đoàn một cán bộ không thể trực tiếp làm việc tại cơ sở nên việc thành lập đoàn còn phụ thuộc vào công việc của mỗi thành viên, do đó công tác kiểm tra thường xuyên, liên tục không thực hiện được chủ yếu là ở các đợt cao điểm hoặc mỗi mùa vụ trong năm.

- Một bộ phận nhân dân chưa ý thức được mức độ quan trọng và sự cần thiết của việc đăng ký chứng nhận đủ điều kiện, đặc biệt là đối với lĩnh vực khai thác thủy sản trên biển. Bên cạnh đó mức thu phí và lệ phí theo quy định mới quá cao, cơ sở không hưởng ứng.

- Việc triển khai ký cam kết tại cơ sở còn nhiều khó khăn do quy mô sản xuất nông hộ, nhỏ lẻ, manh mún, các hộ không hưởng ứng, lực lượng thực hiện công tác này chủ yếu là cán bộ chuyên trách tự phối hợp với thôn trưởng do đó hiệu quả không cao. Bên cạnh đó việc bố trí kinh phí cho lĩnh vực này tại cơ sở hạn chế nên chưa có tính động viên, khích lệ.

III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật.

- Kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo ATTP, Văn phòng điều phối ATTP cấp huyện, Ban nông nghiệp cấp xã, Ban quản lý chợ và các tổ giám sát tại cộng đồng dân cư.

- Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa cơ chế chính sách của Trung ương, của Tỉnh, của Huyện để UBND các xã thực hiện đồng bộ và có hiệu quả.

- Tăng cường thời lượng thông tin, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh của huyện về hiệu quả của công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Biểu dương kịp thời những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và phê bình nghiêm túc những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa tốt để người tiêu dùng có điều kiện lựa chọn.

- Ban hành văn bản, tổ chức chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 04 của Ban chấp hành Tỉnh ủy Thanh Hóa.

2. Công tác thông tin, truyền thông, đào tạo, tập huấn.

- Tổ chức công tác tập huấn, tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ phụ trách cấp xã, thị trấn về công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn toàn huyện. Chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh với mục tiêu:

+ 100% cán bộ trực tiếp quản lý VTNN& ATTP cấp xã.

+ 80% chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh với mục tiêu

3. Công tác xây dựng phát triển các cơ sở, các mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Triển khai tổ chức kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn: Tiếp tục đầu mối, phối hợp với các công ty, doanh nghiệp xuất nhập khẩu thu mua sản phẩm cho nông dân, cụ thể như sau:

+ Trồng trọt: Liên kết với Công ty CP nông nghiệp Quốc tế An Việt, Công ty ORION Việt Nam sản xuất và tiêu thụ sản phẩm khoai tây, với các HTX, Các đại lý thu gom trên địa bàn huyện thu mua ớt, lúa giống, ngô chế biến thực ăn bà sữa,....

+ Chăn nuôi: Liên kết với các Công ty như: Cipi, Công ty súc sản Hoa Mai.

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại các Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016; số 3912/2016/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo thực hiện các mô hình theo Kế hoạch số 135/KH-UBND, ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh.

4. Hoạt động lấy mẫu, giám sát chất lượng VTNN và an toàn thực phẩm.

Huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức lấy mẫu giám sát các thực phẩm, sản phẩm có nguy cơ cao gây mất an toàn, làm cơ sở cảnh báo mất an toàn thực phẩm.

5. Hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Thành lập các đoàn kiểm tra chuyên ngành và liên ngành, tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất, kiên quyết xử lý dứt điểm vi phạm quy định sản xuất, kinh doanh thực phẩm và các hành vi mất an toàn thực phẩm, nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm ATTP.

- Kiểm tra đánh giá, phân loại đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và sản phẩm nông lâm, thủy sản theo phân cấp nhằm đánh giá, phân loại theo nội dung Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc hoạt động kiểm tra vật tư nông nghiệp và giám sát an toàn thực phẩm đối với cấp xã, thị trấn. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Nông nghiệp xã, tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, xóm, tiểu khu theo nội dung Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2014; Quyết định số 91/QĐ-SNN&PTNT ngày 14/2/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Công khai vi phạm để người tiêu dùng biết và lựa chọn các sản phẩm có chất lượng.

6. Kiểm soát sự cố gây mất an toàn thực phẩm.

Phấn đấu trong năm trên địa bàn huyện không có trường hợp mất an toàn thực phẩm, giảm thiểu ngộ độc thực phẩm do sử dụng sản phẩm nông lâm thủy sản.

Xây dựng kế hoạch kiểm soát, xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố mất an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện.

7. Tăng cường năng lực.

7.1. Về tổ chức, bộ máy:

Để công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao trong năm 2018, cần có sự vào cuộc quyết

liệt của các Ban chỉ đạo cấp huyện và chỉ đạo việc thành lập Ban Nông nghiệp các xã, thị trấn, tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, xóm, tiểu khu. Ngoài ra còn phải đấu mối phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan cấp tỉnh và trên địa bàn huyện như: Quản lý thị trường, Công an, Y tế, Thú y, Bảo vệ thực vật, Đài truyền thanh, các tổ chức Chính trị - Xã hội đồng thời sự vào cuộc của cấp Ủy Đảng, Chính quyền từ huyện xuống cơ sở để công tác chỉ đạo thực hiện được xuyên suốt và đồng bộ.

7.2. Về nhân sự: Bố trí cán bộ chuyên trách phụ trách lĩnh vực.

7.3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật:

Đầu tư kinh phí mua trang thiết bị, phục vụ công tác test nhanh chất cấm trong chăn nuôi, lấy mẫu thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, xét nghiệm mẫu rau, thịt, cá... Hỗ trợ kinh phí cho người trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý chất lượng VTNN& ATTP.

7.4. Về đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ:

Bố trí cán bộ chuyên trách tham gia đầy đủ các khóa tập huấn do tỉnh, trung ương tổ chức, đồng thời tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách quản lý VTNN&ATTP cấp cơ sở.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức tập huấn cập nhật văn bản mới theo định kỳ cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm ở cấp huyện và cán bộ phụ trách cấp xã nhằm tiếp cận, tạo sự chuyển biến căn bản về tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan liên ngành cấp tỉnh trong quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm giúp cơ sở chấp hành tốt hơn và từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm đi vào nề nếp, ổn định, phục vụ cho phát triển sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân. /.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT Thanh Hóa (B/c);
- Chi cục QLCL NLS&TS (để t/hợp);
- Lưu: VT, NN&PTNT.



Thịnh Văn Huyền